

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 1013: Tu Bồ Đề, Ông Chớ Cho Rằng Như Lai Có Ý Nghĩ Thế Này: “Ta Có Pháp Để Nói”, Chớ Khởi Ý Nghĩ Đó

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 087)

Chuyển ngữ: Tịch Minh



【Tu Bồ Đề, ông chớ cho rằng Như Lai khởi ý nghĩ thế này: “Ta có pháp để nói”, chớ khởi ý nghĩ đó.】

Về mặt khoa phán, thì đây chính là cả một đoạn lớn, nói rõ “Vô pháp khả thuyết” (Không có pháp để nói). Ý nghĩa này rất sâu, rất rộng; phần trước chúng ta cũng đã tiết lộ một chút, đã uyển chuyển chỉ ra đôi điều. Tôi từng nói với các đồng tu rằng, kinh luận của Phật vốn không có ý nghĩa cố định; nếu có ý nghĩa cố định, thì tức là Phật có pháp để nói rồi. Không có ý nghĩa cố định, chính là hiển lộ ra sự thật rằng Phật vốn không có pháp để nói. Thế nhưng, khi gặp đúng cơ cảm thì Ngài liền nói; kinh điển tuy không mang một ý nghĩa chết cứng, nhưng khi đối cơ thì ý nghĩa liền hiện tiền. Căn cơ của chúng sanh thì thiên sai vạn biệt, thế nên ý nghĩa của kinh cũng vô lượng vô biên. Đối với hạng người nào thì có cách nói thế ấy, đối với người của thời đại nào thì có cách nói của thời đại đó; kinh là sự sống động, chứ không phải cứng nhắc. Cho nên, kinh Phật khó chính là khó ở chỗ này, khó ở chỗ kinh rất linh hoạt, sinh động, chứ không phải khô khan, rập khuôn. Những bản chú giải của các bậc đại đức từ xưa đến nay, chúng ta có thể xem không? Có thể xem. Có thể áp dụng không? Có thể áp dụng. Nhưng quý vị phải nhớ kỹ, phải ứng dụng một cách linh hoạt, không được dùng một cách máy móc; áp dụng cứng nhắc là tự làm mình bế tắc trong các chú giải, như vậy là sai rồi, đó không phải là Bát Nhã, là không có trí huệ. Quý vị cần phải hiểu được cách linh động vận dụng.

Bộ “Kinh Kim Cang” này, từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc, vào thời kỳ đầu ở thời Đông Tấn, là do Đại sư Cưu Ma La Thập phiên dịch. Thời đại của Đại sư La Thập cách chúng ta ngày nay khoảng chừng một ngàn bảy trăm năm. Hơn một ngàn bảy trăm năm, đời đời tương truyền, truyền đến ngày nay, kinh

vẫn vẫn hoàn toàn giống y như vậy. Mỗi một triều đại, các vị đại đức khi giảng “Kinh Kim Cang” đều giảng không giống nhau. Chúng ta có thể thấy từ trong các bản chú giải của cổ nhân, cách giảng trong các bản chú giải đó đều khác biệt. Điều này chứng minh rằng kinh vốn không có ý nghĩa cố định, mà là tùy cơ để giảng nói. Đối với căn cơ của thời nhà Hán thì có cách nói khế hợp với căn cơ thời đó. Căn cơ của người thời Đường không giống với người thời Hán, ắt hẳn phải có cách nói mới mẻ để có thể khế hợp với căn cơ của người thời Đường, giúp cho họ đạt được lợi ích; đây chính là lý do vì sao chú giải của người thời Đường lại khác với chú giải của người thời Hán. Căn tính của người thời Tống và người thời Đường lại càng không giống nhau, bối cảnh thời gian không đồng, chúng ta hẳn là có thể lãnh hội được điều này. Sự biến đổi của xã hội thời xưa không lớn như hiện nay; xã hội xưa có thay đổi, nhưng thay đổi rất chậm chạp. Ở thời đại nông nghiệp, đại khái là vài chục năm, hoặc một hai trăm năm mới có thể nhìn ra sự thay đổi lớn; chẳng giống như bây giờ. Hiện nay chỉ ba năm, năm năm là đã nhìn thấy sự thay đổi rồi, sự biến hóa ngày nay thực sự quá lớn. Lấy kiến trúc mà nói, những thành phố cổ kính của Trung Quốc thời đó, vài chục năm không gặp, khi quay trở lại vẫn không thấy thay đổi hình dáng gì đáng kể. Còn bây giờ, Singapore mà ba năm không đến là đã khác biệt rồi, đường sá cũng chẳng nhận ra nổi. Môi trường đang thay đổi, nhân tâm cũng đang thay đổi, suy nghĩ và cái nhìn của quý vị đều đang thay đổi; biên độ thay đổi hiện nay quả thực là quá lớn.

Cùng là bộ “Kinh Kim Cang” này, tôi giảng cho chư vị đồng tu, năm nay giảng sẽ không giống với năm ngoái giảng. Vì sao vậy? Vì đã thay đổi rồi. Người nghe vẫn đông như vậy, không sai! Nhưng suy nghĩ trong đầu của quý vị đã thay đổi, không giống nữa; từ đây mới hiểu được kinh là sự sống động, chứ không phải vật chết. “Kinh Vô Lượng Thọ”, tôi đã giảng ở Singapore hai lần, hình như lần đầu tiên là vào năm 1989. Năm 89 khi tôi đến, tôi đã giảng một lần tại Hoàng Pháp Đoàn, lần thứ hai tôi giảng ở tại nơi này. Băng ghi âm đều có lưu lại cả, quý vị hãy đi nghe thử xem, không hề giống nhau! Cùng là kinh văn này, cùng là bản kinh đó, nhưng nội dung hoàn toàn không giống nhau. Đây là gì? Là cái khó của việc giảng kinh. Việc tu học kinh giáo ở điểm này là vô cùng không dễ dàng; thế nên tôi khuyên mọi người khi học kinh giáo thì phải khai mở trí huệ. Làm thế nào để khai trí huệ? Phải buông xả. Quý vị không buông xả, sao có thể khai trí huệ? Trí huệ là thứ quý vị vốn dĩ sẵn có; khai trí huệ không khó, cái khó là ở chỗ quý vị không chịu buông xuống. Nếu quý vị quả

thực có thể đối với thân tâm và thế giới này, hai bên Không và Hữu thấy đều buông xả sạch sành sanh; quý vị xem, chẳng phải quý vị lập tức trở thành Pháp thân Đại sĩ rồi sao? Trí huệ của Pháp thân Đại sĩ thì liền viên mãn. Tất cả mọi kinh giáo của chư Phật, quý vị đều thông đạt cả rồi, vô lượng nghĩa quý vị cũng đều thấu hiểu cả rồi. Vì sao vậy? Bởi vì trước tiên, quý vị phải đạt đến trạng thái hoàn toàn không khởi ý niệm; quý vị bắt buộc phải làm được hoàn toàn không có ý niệm, thì đến khi khởi tác dụng, lúc ứng cơ tiếp vật, tự nhiên sẽ sinh ra vô lượng nghĩa, tự nó có thể lưu xuất ra được. Chính là như trong “Kinh Kim Cang” đã giảng: “Tín tâm thanh tịnh, tác sanh thực tướng” (Lòng tin thanh tịnh, liền sinh thật tướng), thật tướng Bát Nhã liền sinh trí huệ. Tâm quý vị không thanh tịnh, quý vị sẽ không có trí huệ; tâm thanh tịnh thì liền sinh trí huệ. Thế nào gọi là thanh tịnh? Hết thấy buông xuống toàn bộ thì thanh tịnh. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, thấy đều buông xả; có như vậy mới thanh tịnh, mới có thể sinh trí huệ.

Đoạn thứ nhất giảng về sự thị hiện, làm ra tấm gương cho chúng ta xem. “Thuyết pháp vô niệm” (Thuyết pháp mà không có tâm niệm), có người hướng về Phật thỉnh pháp, Phật liền thuyết pháp; tuy thuyết pháp, nhưng là nói mà không nói. Nói thì có nói đó, nhưng Phật có phải là nghe người khác hỏi một câu, rồi suy nghĩ xem: “Câu hỏi này mình phải trả lời họ như thế nào đây?” Nếu vậy thì đó chính là có niệm rồi. Người khác đưa ra câu hỏi, tùy hỏi tùy đáp, Phật không hề suy xét, không hề nghĩ rằng “Ta phải trả lời thế nào, ta phải nói với ông ra sao”, hoàn toàn không có! Đối với chính bản thân Ngài mà nói, là “vô thuyết” (không nói), Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm; còn đối với người khác mà nói, là “hữu thuyết” (có nói). Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, sao lại bảo là không nói? Bốn mươi chín năm giảng kinh hơn ba trăm hội, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đích thực là chưa từng động một ý niệm, chưa từng khởi tâm, chưa từng động niệm. Nếu quý vị thấu tỏ được sự thật chân tướng này, quý vị mới biết rằng kinh Phật không thể đem ra “nghiên cứu”; quý vị làm sao có thể nghiên cứu được? Quý vị vừa nghiên cứu thì biến thành cái gì? Toàn là ý của quý vị cả, đâu phải là ý của Phật. Ý của Phật làm sao quý vị thấu hiểu được? Đây là chỗ bất đồng giữa Phật pháp và thế gian pháp, và cũng là chỗ khó nhất trong việc tu học Phật pháp. Thế nhưng, khó và dễ cũng không phải là điều cố định, làm gì có khó dễ? Bàn trên phương diện khó dễ mà nói, có lúc thế gian pháp cũng rất khó, học bao nhiêu năm vẫn chưa học nổi; còn Phật pháp thì buông xả là thành tựu ngay, cái khó của Phật pháp

chính là quý vị không chịu buông xả. Vừa buông xả ngay lập tức, ngay lập tức liền đạt được; đây là chỗ dễ dàng của Phật pháp, còn quý vị không chịu buông xả thì thành khó. Chúng ta luân hồi vô lượng kiếp, học Phật đến nay vẫn chưa thành tựu, chính là vì luyến tiếc không nỡ buông xả, khó là khó ở chỗ này. Chúng ta nhìn thấy người khác tu hành chứng quả sao mà dễ dàng, sao mà nhanh chóng đến thế; là bởi người ta chịu bằng lòng buông xả. Buông xả một phần, được một phần lợi ích; buông xả mười phần, được mười phần lợi ích.